

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24-8-2026

Group G16
Round 4
Board 1

WHITE Tselmuun Dorjsuren						FED MGL		RESULT (W) 0			
BLACK Aminul Mardhiyah Mohd Atif						FED MAS		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	g5 ²⁸	Ke5 ⁴¹	41	Mf4	Qe4	61		
2	d4	d5	22	e4 ³	d4 ⁴⁰	42	Qd2	Qe5	62		
3	e5	c5	23	Mf4 ³⁵	Qc6 ³⁸	43	Kf1	g5	63		
4	c3	Qb6	24	Ng3 ⁹	Kf2 ²⁹	44	Ng2	Qd5	64		
5	Nf3	Bd7	25	g6 ⁵	hxg6 ²⁸	45	Qe2	Nf5	65		
6	Be2	Bb5	26	Nd2 ⁹	Raf2 ²⁸	46	Qf4	Kg2	66		
7	O-O	Bxe2	27	Raf2	Raf2	47	Qe2	Kf2	67		
8	Qxe2 ¹²	cxd4 ¹³	28	Ke2	b5	48	Qe2	Kg2	68		
9	cxd4	Nc6	29	Nd4 ⁸	Qd5 ²²	49	Qe2	h3	69		
10	Be3	Nge2	30	Nc3 ⁶	Qd5 ²¹	50	Qe2	Kg2	70		
11	Nc3 ¹³	Nf5 ¹³	31	Nc2	Bd1	51			71		
12	Rd1	Bb4 ¹⁰	32	Qe4	Bg2	52			72		
13	g4 ¹⁴	Nxe3 ¹²	33	Na3	Qf4	53			73		
14	fxb3 ¹²	O-O ²⁵	34	Kg2	Nd3 ¹⁰	54			74		
15	Qd3 ¹⁹	Be2 ¹⁰	35	h4 ³	Nf4 ⁹	55			75		
16	Rd2 ¹⁰	f6 ¹⁶	36	h5 ²	g4 ⁸	56			76		
17	exf6	Raf6	37	d5	Nd6	57			77		
18	Rd4 ⁵	Raf8 ⁵⁸	38	Qd4 ⁵	h4	58			78		
19	a3 ⁴	Nas4 ⁴	39	Nf5	Qg5	59			79		
20	b4	Nc4	40	Qd2	Qd5 ⁵	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

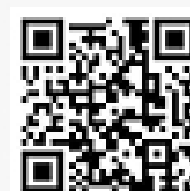
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-08-24

Group G16
Round 4
Board 1

WHITE Tselmuun Dorjsuren						FED MGL		RESULT (W) 0			
BLACK Mohd Atif Aminul Mardhiyah						FED MAS		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	e6	21	g5	Rf5	41	Nf4	Qe4	61		
2	d4	d5	22	e4	de	42	Qd2	Qe5	62		
3	e5	c5	23	Nc4	Qc6	43	h4	g5	63		
4	c3	Qb6	24	Ng3	Rf7	44	Ng2	Qd5	64		
5	Nf3	Bd7	25	g6	h4	45	Qc2	Nf5	65		
6	Be2	Bb5	26	Nd2	Rf2	46	Qc8	h3	66		
7	O-O	Be2	27	Rh2	Rf2	47	Qc8	h4	67		
8	Qe2	cd	28	h2	b5	48	Qc7	Kf4	68		
9	cd	Nc6	29	Nd4	Qd5	49	Qc8	h3	69		
10	Be3	Ne7	30	Nc3	Qd5	50	Qe8	h4	70		
11	Nc3	Nf5	31	Ne2	Bd6	51			71		
12	Rd1	Bb4	32	Qe4	Bg2	52			72		
13	g4	Nc5	33	Ng2	Qf6	53			73		
14	fe	O-O	34	h4	Nd3	54			74		
15	Qd3	Be7	35	h4	Nf5	55			75		
16	Rd2	f6	36	h5	g4	56			76		
17	exf6	Raf6	37	d5	Nd6	57			77		
18	Rd4	Raf8	38	Qd4	h4	58			78		
19	a3	Nas4	39	Nf5	Qg5	59			79		
20	b4	Nc4	40	Qd2	Qd5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24

Group G16
Round 3
Board 2

WHITE Wijaya, Cherisha Divina						FED INA			RESULT (W) 1		
BLACK Ding Tianyi						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	c6.	Bc8	41	Bb5	Pa8	61	Kb5	Ph8
2	Nf3	Nc6	22	Ba3	Qa7	42	c7	Kf7	62	Nd6	Rh3
3	Bb5	a6	23	Pe3	Ne8	43	Bc6	Pc8	63	Bd7	Rf3
4	Ba4	Nf6	24	Ob2	Pa3	44	cd=N	Pd8	64	Be6	Rf2
5	o-o	Be7	25	Pa3	Qb6	45	Na5	Pb8	65	Ne8	Pe2
6	Pe1	b5	26	Bd3	Nc7	46	Nb7	Ke7	66	d6	
7	Bb3	d6	27	Nc4	Qc5	47	g4	g5	67		
8	c3	o-o	28	Ne3	g6	48	Kg2	h6	68		
9	h3	Na5	29	Pc3	Qb6	49	Kh2	Pc8	69		
10	Bc2	c5	30	Ob4	f6	50	Na5	Pc7	70		
11	d4	Qc7	31	Pa3	Ba6	51	Nc4	Pc8	71		
12	Nbd2	cd	32	Nc2	Pb8	52	Ne3	Pd8	72		
13	cd	Nc6	33	Nd2	Kg7	53	Nf5	Kf7	73		
14	d5	Nb4	34	Qa5	Qa5	54	Nf5	Kg6	74		
15	Bb1	a5	35	Pa5	Pd8	55	Nf5	Kf7	75		
16	a3	Na6	36	Nb3	Kf8	56	Kg3	Kg6	76		
17	b4	Bd7	37	Ra2	Pb6	57	Kf3	Kf7	77		
18	Qb3	ab	38	Nb4	Ke8	58	Ke3	Kf8	78		
19	ab	Nc5	39	Na6	Na6	59	Kd3	Kf7	79		
20	bc	Pa1	40	Pa6	Pb6	60	Kc4	Kg6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
AT			Ding Tianyi			CHN					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/2026

Group G16
Round 4
Board 2

WHITE Wijaya, Cherisho Divina						FED INA		RESULT(W) 1			
BLACK Ding Tianyi						FED CHN		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	c6	Bc8	41	Bxb5	Ra8	61	Kb5	Rh8
2	Nf3	Nc6	22	Ba3	Qa7	42	c7+	Kf7	62	Nxd6	Rxh3
3	Bb5	a6	23	Re3	Nd8	43	Bc6	Rc8	63	Bd7	Rf3
4	Ba4	Nf6	24	Qb2	Rxa3	44	exd8+	Rxd8	64	Bec	Rxf2
5	o-o	Be7	25	Rxa3	Qb6	45	Na5	Rb8	65	Ne8	Re4
6	Re1	b5	26	Bd3	Nc7	46	Nb7	Ke7	66	d6	
7	Bb3	d6	27	Nc4	Qc5	47	g4	g5	67		
8	c3	o-o	28	Ne3	g6	48	Kg2	h6	68		
9	h3	Na5	29	Pc3	Qb6	49	Kh2	Rc8	69		
10	Bc2	c5	30	Qb4	f6	50	Nb5	Rc7	70		
11	d4	Qc7	31	Qa3	Ba6	51	Nc4	Rc8	71		
12	Nbd2	cx d4	32	Nc2	Rb8	52	Ne3	Rd8	72		
13	cx d4	Nc6	33	Nd2	Kg7	53	Nf5+	Kf7	73		
14	d5	Nb4	34	Qa5	Qxa5	54	Nxh6+	Kg6	74		
15	Bb1	d5	35	Rxa5	Bd8	55	Nf5	~~Kg6~~ Kf7	75		
16	a3	Na6	36	Nb3	Kf8	56	~~Kg6~~ Nf5	Kg6	76		
17	b4	Bd7	37	Ra2	Rb6	57	Kf3	Kf7	77		
18	Qb3	axb4	38	Nb4	Ke8	58	Ke3	Kf8	78		
19	axb4	Nc5	39	Nxa6	Nxa6	59	Kd3	Kf7	79		
20	bxc5	Rxa1	40	Rxa6	Rxa6	60	Kc4	Kg6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
			Ding Tianyi								



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026. 8. 26

Group G16
Round 4
Board 3.

WHITE Zhou, chengcheng						FED CHN		RESULT (W) C			
BLACK Mendora, Aisana Lou Tomin						FED PHI		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	a5	21	Rh6	Re6	41	1g1	Qd4	61		
2	d5	Nf6	22	de	Qb6	42	Rf2	g4	62		
3	1k	g6	23	Qf4	Bh6	43	1g2	Be4	63		
4	g3	g7	24	Qh6	g5	44			64		
5	Bg2	eb	25	h3	Nb4	45			65		
6	Nb3	co	26	Kh2	Rf8	46			66		
7	ek	ed	27	Bg1	Nd3	47			67		
8	ed	db	28	Rc2	Nd5	48			68		
9	Nge2	Bd7	29	Re1	Nf7	49			69		
10	ak	Nab	30	Qf3	1-f8	50			70		
11	co	Re3	31	g4	Nd5	51			71		
12	Bf4	Qc7	32	Kg3	Bg6	52			72		
13	Qob2	Ng4	33	Re3	1b43	53			73		
14	Rac1	Qbb	34	f3	h5	54			74		
15	Bh3	Rad1	35	Nd5	Bf1	55			75		
16	Bg5	f6	36	Rh2	Nc4	56			76		
17	Bg4	Bg4	37	Re1	h4	57			77		
18	Re2	Bf5	38	Kf2	bd3	58			78		
19	Nf6	1-c6	39	1b3	Qe5	59			79		
20	Nb1	Qb7	40	f4	Qb2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhou			Mendora			J. P. 2					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug. 29, 2027

Group W16G
Round 4
Board 3

WHITE Zhou, chengcheng						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK Aisana Lou Mendora						FED PHI		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Bh4	Rxe6	41	Kg1	Qd4	61		
2	d4	Nf6	22	dxe6	Qxe6	42	Rf2	g4	62		
3	c4	g6	23	Qf4	Bxh6	43	Kg2	Bxe4	63		
4	g3	Bg7	24	Bxh6	g5	44	Resign-#		64		
5	Bg2	e6	25	h3	Nb4	45			65		
6	Nc3	o-o	26	Kh2	Rf8	46			66		
7	e4	exd5	27	Kg1	Nd3	47			67		
8	exd5	d6	28	Rc2	Ne5	48			68		
9	Nge2	Bd7	29	Re1	Nf7	49			69		
10	a4	Naf	30	Qxf8	Kxf8	50			70		
11	o-o	Re8	31	g4	Ne5	51			71		
12	Bf4	Qc7	32	Kg3	Bxg4	52			72		
13	Qd2	Nag4	33	Re3	Bxh3	53			73		
14	Rc1	Qb6	34	f3	h5	54			74		
15	Bh3	Rad8	35	Nd5	Bf1	55			75		
16	Bg5	f6	36	Kh2	Nc4	56			76		
17	Bxg4	Bxg4	37	Re1	h4	57			77		
18	Bc3	Bf3	38	Kf2	Bc3	58			78		
19	QNA	Qc7	39	b3	Qc5	59			79		
20	Ne6	Qd7	40	f4	Qb2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhou			Mendora			J. P. 2					



CS 扫描全能王™

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.11.24

Group
G16
Round
4
Board
4

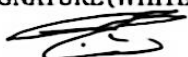
WHITE Lien Pei Jung						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Tio Jingfei						FED JPN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qh3	Rg6	41	Qh3	Qe4	61		
2	Bf4	Nf6	22	a3	Be2	42	Kf2	Rh6	62		
3	Nc3	e6	23	g3	Bxd1	43	Qf3	Rf1	63		
4	Nb5	Bb4	24	Nd2	Be2	44	Kxf1	Qxf3	64		
5	c3	Ba5	25	Re1	Bd3	45	Rf2	Rh1	65		
6	Qa4	Nob	26	Qg2	a5	46			66		
7	Nf3	a6	27	f4	h5	47			67		
8	Na3	Bd7	28	bxa5	Bxa5	48			68		
9	Kc2	Ne4	29	Rd1	h4	49			69		
10	e3	Qe7	30	Qf2	Rf8	50			70		
11	Nb1	b5	31	Nb3	Bb6	51			71		
12	Bd3	f5	32	Nc1	Rf5	52			72		
13	Bxe4	fxe4	33	Kg2	Rh5	53			73		
14	Ne5	Nxe5	34	Nxd3	Kxg3	54			74		
15	Bxe5	Bb6	35	Kxg3	exd3	55			75		
16	Qe2	O-O	36	Rxb3	Qh4	56			76		
17	O-O	b4	37	Kf3	Qh1	57			77		
18	Qg4	Bb5	38	Qg2	xb1	58			78		
19	Rd1	Rf5	39	Rd2	Rh1	59			79		
20	Cxb4	Rg5	40	g4	Rg1	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
G16
Round
4
Board
4

WHITE Lien, Pei Jung						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Jie, Jingfei						FED JPN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qh3	Rg6	41	Qh3	Qe4+	61		
2	Bf4	Nf6	22	a3	Be2	42	Kf2	Rh6	62		
3	Nc3	e6	23	g3	Bxd1	43	Qf3	Rf1+	63		
4	Nb5	Bb4+	24	Nd2	Be2	44	Kf1	Qxf3+	64		
5	c3	Ba5	25	Re1	Bd3	45	Rf2	Rh1#	65		
6	Qa4	Nc6	26	Qg2	a5	46			66		
7	Nf3	a6	27	f4	h5	47			67		
8	Na3	Bd7	28	bxa5	Bxa5	48			68		
9	Qc2	Ne4	29	Rd1	h4	49			69		
10	e3	Qe7	30	Qf2	Rf8	50			70		
11	Nb1	b5	31	Nb3	Bb6	51			71		
12	Bd3	f5	32	Nc1	Rf5	52			72		
13	Bxe4	fxc4	33	Kg2	Rh5	53			73		
14	Ne5	~~Bf7~~ Nxe5	34	~~Rh3~~ Nxd3	Rxg3	54			74		
15	Rxe5	Bb6	35	hxg3	exd3	55			75		
16	Qe2	O-O	36	Rxd3	Qh4	56			76		
17	O-O	b4	37	Kf3	Qh1+	57			77		
18	Qg4	Bb5	38	Qg2	Qb1	58			78		
19	Rd1	Rf5	39	Rd2	Rh1	59			79		
20	Cxb4	Rg5	40	g4	Rg1	60			80		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) 					



CS 扫描全能王™

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



12:38
Group G16
Round 4
Date 24/8/26
Board 5

WHITE Lin Jingyu						FED CHN		RESULT (W) 1/2			
BLACK Chloe Lau						FED HKG		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	a4	Nc5	41	Kf3	Kf4	61		
2	c4	e6	22	Nc4	Bc7	42	Rb7	Rb7	62		
3	exd5	exd5	23	f3	Qb8	43	Rb7	b5	63		
4	Nc3	Nf6	24	Nb4	Rb8	44	Q5	Rc7	64		
5	Bg5	Qb6	25	Q5	Rc7	45	Nb5		65		
6	e3	Bd7	26	Rc6	Qd7	46			66		
7	Rd3	Nd7	27	Qd7	Qb7	47			67		
8	Ne2	Nf5	28	Nc5	Bc5	48			68		
9	O-O	Nb6	29	Nc5	Rb6	49			69		
10	Rf6	Rf6	30	Rf6	Qb2	50			70		
11	b4	O-O	31	Qb4	Qb2	51			71		
12	Qb3	Qb1	32	Qb4	Rb2	52			72		
13	b5	b7	33	a7	Nb5	53			73		
14	b6	b6	34	Kf1	Rb5	54			74		
15	Nc4	Bf5	35	Kc2	Rf8	55			75		
16	Nf4	Rb5	36	Nb3	Rf8	56			76		
17	Qc2	Rb6	37	e9	Nb6	57			77		
18	Nb3	Qb4	38	Qd5	Qb6	58			78		
19	Qd1	Rc3	39	Kf4	K	59			79		
20	Nc6	Nb3	40	Nb3	Nb4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Lin Jingyu			SIGNATURE (BLACK) Chloe Lau			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



12:38
Group G16
Round 4
Date 24/8/26
Board 5

WHITE Lin Jingyu						FED CHN		1200.8-2016 RESULT (W) 1/2			
BLACK Lau, Chloe Harley						FED HKG		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	a4	Nc5	41	Kf3	Rc6	61		
2	c4	e6	22	Nc5	Be7	42	R7	Rd7	62		
3	cd	ed	23	h3	Qd8	43	Rd8	f1	63		
4	Nc3	Nf6	24	Nb6	Rd7	44	g3	R7	64		
5	Bg5	c6	25	a5	Rb1	45	Rb2		65		
6	e3	Be7	26	Rc6	Qd7	46			66		
7	Bd3	Nbd1	27	Qd3	Qb7	47			67		
8	Nf2	Nf8	28	Nc5	Bc5	48			68		
9	O-O	Nf6	29	dc	Rd8	49			69		
10	Bf6	Bf6	30	Rd5	Qb2	50			70		
11	b4	O-O	31	Qd4	Qb2	51			71		
12	Qb3	g6	32	Qb2	Rb2	52			72		
13	b5	Nf7	33	ag	Rd5	53			73		
14	bc	bc	34	Kf1	Rc	54			74		
15	Nc4	Bf5	35	Kc2	Kf8	55			75		
16	Nf4	Rd8	36	Kd3	R7	56			76		
17	Qc4	Rd3	37	ex	Kf6	57			77		
18	Nd3	Qcd6	38	ed	Rd6	58			78		
19	Rfc1	Rd8	39	Kc4	f1	59			79		
20	Nc5	Nf6	40	Rb	Q4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lin Jingyu			Chloe Lau			JH					



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



12:38
Group G16
Round 4
Date 8/24 Board 6

WHITE Hsieh, Chi-Ying											
BLACK Wang, Han-Yan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd4	Rg5	41	Kg5	Ra2	61		
2	Nc3	Nf6	22	Qf7	Qf7	42	RC8#		62		
3	f4	d5	23	Rf7	Re8	43			63		
4	fe	Ne4	24	Rb7	Re2	44			64		
5	Nf3	Bg4	25	g3	RC2	45			65		
6	d3	Nc3	26	Rf2	RC1	46			66		
7	bc	d4	27	Kg2	Rd1	47			67		
8	Bg5	Bf3	28	Ra7	Rd3	48			68		
9	Qf3	Qc8	29	Bb2	c5	49			69		
10	Be2	Bc5	30	RC7	Rd6	50			70		
11	Qd5	Nd7	31	h4	Rg4	51			71		
12	Bg4	c6	32	Kh3	Rd6	52			72		
13	Bd6	Qd7	33	Rf3	d4	53			73		
14	Qc5	dC	34	h5	Rg5	54			74		
15	Qc3	O-O	35	Bc1	Rd4	55			75		
16	O-O	Qg4	36	Bg5	h9	56			76		
17	Be3	Re8	37	Rf7	g4	57			77		
18	Qb3	Qg6	38	Kh4	Rd2	58			78		
19	Rf3	Re5	39	Rg8	Kf8	59			79		
20	Rafl	h6	40	h6	Rh2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Amber				Wang				JH			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



12:38
Group G16
Round 4
Date 8.24.26 Board 6

WHITE Hsieh, Chi-Ying											
BLACK Wang, Han-Yan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be5	Rb5	41	Kb5	Rxa2	61		
2	Nc3	Nf6	22	Qxf7	Qxf7	42	RC8		62		
3	f4	d5	23	Rxf7	Re8	43			63		
4	fxe5	Nxe4	24	Rxb7	Re2	44			64		
5	Nf3	Bb4	25	b3	Rxc2	45			65		
6	d3	Nx3	26	Re2	RC1	46			66		
7	bxc3	d4	27	Re2	Rd1	47			67		
8	Bg5	Bxf3	28	Rxa7	Qxd3	48			68		
9	Qxf3	Qc8	29	Bb2	c5	49			69		
10	Be2	Bc5	30	RC7	Rd6	50			70		
11	Qd5	Nd7	31	h4	Rb4	51			71		
12	Bg4	c6	32	Kh3	Rb6	52			72		
13	Bd6	Qd7	33	Rf3	c4	53			73		
14	Qxc5	dxc3	34	h5	Rb5	54			74		
15	Qxc3	O-O	35	Bc1	Rd4	55			75		
16	O-O	Qh4	36	Bxf5	hxb5	56			76		
17	Be3	Re8	37	Rf7	Bx4	57			77		
18	Qb3	Qb6	38	Kh4	Rd2	58			78		
19	Re3	Rxe5	39	Rb7	Kf8	59			79		
20	Rf1	h6	40	h6	Rh2	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Amber				Wang				JH			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App